

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1722/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 24 tháng 10 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt suất đầu tư trồng rừng phòng hộ, đặc dụng  
Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng tỉnh Phú Yên****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng (Dự án 661);

Căn cứ văn bản số 884/UBND-KTXD ngày 08 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông báo kết luận Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về suất đầu tư trồng rừng Dự án 661;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ trình số 561/TTr-SNN ngày 06 tháng 8 năm 2008, Công văn số 830/SNN ngày 17 tháng 10 năm 2008), Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại văn bản số 880/SKHĐT-KTXH ngày 06 tháng 10 năm 2008),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt suất đầu tư trồng rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh Phú Yên thuộc Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, như sau:

1. Mô hình được áp dụng:

- Mô hình trồng cây bản địa thuần loại, mật độ 625 cây/ha.
- Mô hình trồng hỗn giao cây bản địa và cây phụ trợ, mật độ 1.000 cây/ha (cây trồng chính: 500 cây/ha; cây phụ trợ: 500 cây/ha).
- Mô hình trồng thuần loại cây phụ trợ, mật độ 1.667 cây/ha.
- Mô hình khoanh nuôi tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, bình quân mật độ trồng 188 cây/ha.

2. Về định mức cụ thể các hạng mục, hệ số khu vực,... của từng mô hình theo đúng nội dung Tờ trình số 561/TTr-SNN ngày 06 tháng 8 năm 2008 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nguồn vốn đầu tư:

a) Suất đầu tư trồng rừng: bình quân 08 triệu đồng/ha/4 năm; trong đó:

- Vốn Trung ương Dự án 661: 06 triệu đồng/ha/4 năm;

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 02 triệu đồng/ha/4 năm. Được cân đối bố trí từ nguồn kinh phí theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Nguồn thu thuế tài nguyên rừng;

+ Nguồn vốn đầu tư của tỉnh;

b) Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung: bình quân 3.715.888 đồng/ha/6 năm - vốn Trung ương Dự án 661;

c) Mức vốn đầu tư cụ thể đối với từng dự án, từng khu vực, thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 2.** Quyết định này được áp dụng từ năm 2008 và thay thế các quyết định trước đây của Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thị Hà**

2. Về định mức cụ thể các hạng mục, hệ số khu vực,... của từng mô hình theo đúng nội dung Tờ trình số 561/TTr-SNN ngày 06 tháng 8 năm 2008 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nguồn vốn đầu tư:

a) Suất đầu tư trồng rừng: bình quân 08 triệu đồng/ha/4 năm; trong đó:

- Vốn Trung ương Dự án 661: 06 triệu đồng/ha/4 năm;

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 02 triệu đồng/ha/4 năm. Được cân đối bố trí từ nguồn kinh phí theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Nguồn thu thuế tài nguyên rừng;

+ Nguồn vốn đầu tư của tỉnh;

b) Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung: bình quân 3.715.888 đồng/ha/6 năm - vốn Trung ương Dự án 661;

c) Mức vốn đầu tư cụ thể đối với từng dự án, từng khu vực, thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 2.** Quyết định này được áp dụng từ năm 2008 và thay thế các quyết định trước đây của Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thị Hà**